

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày: 22-03-2023

V/v *Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Na Rinh

2. Ông Nguyễn Trung Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2023/QĐST-DS, ngày 07/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị Ngọc H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện K, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Tú H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh K có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1950 vắng mặt.

Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1951 vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy

quyền của nguyên đơn là chị Đoàn Thị Tú H trình bày: Vào ngày 05/6/2017 hộ kinh doanh M do chị Lý Thị Ngọc H làm chủ có thỏa thuận bán thức ăn và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông Lê Văn L, bà Huỳnh Thị V, khi thu hoạch tôm ông bà có trách nhiệm thanh toán hết công nợ phát sinh của vụ nuôi cho hộ kinh doanh M. Quá trình nuôi tôm ông L, bà V mặc dù đã thu hoạch tôm nhưng không thanh toán số tiền nào đến ngày 17/5/2019 hai bên ngưng giao dịch, công nợ ông bà còn thiếu hộ kinh doanh M là 149.605.000 đồng. Hộ kinh doanh M vẫn cho thời gian để thanh toán, nhân viên nhiều lần nhắc nhở yêu cầu thanh toán nợ, ông bà tiếp tục hứa hẹn mà không thực hiện dẫn đến vi phạm thỏa thuận đã ký kết, ảnh hưởng quyền lợi của bên bán hàng hóa. Nay chị Lý Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn L, bà Huỳnh Thị V phải trả cho chị Lý Thị Ngọc H số tiền nợ gốc 149.605.000 đồng, nợ lãi từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/03/2022 là 40.976.000 đồng ($149.605.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 33 \text{ tháng}$) và đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

Tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn L trình bày: Vào năm 2017 Kỹ sư Nguyễn Duy K là người của Công ty thức ăn V có đến nhà ông để ký kết hợp đồng nuôi tôm, kỹ sư K sẽ lấy tôm giống và hướng dẫn kỹ thuật cho ông nuôi tôm nên ông chỉ biết kỹ sư K là người của Công ty V còn hộ kinh doanh M ông không biết. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị V: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với bà Huỳnh Thị V, nhưng bà V vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Đoàn Thị Tú H trình bày: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn L, bà Huỳnh Thị V phải trả cho chị Lý Thị Ngọc H tổng số tiền 190.581.000 đồng. Trong đó nợ gốc 149.605.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/03/2022 ($149.605.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 33 \text{ tháng}$) là 40.976.000 đồng.

- Ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị V vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu ông L, bà V phải trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ là 149.605.000 đồng và tiền lãi 40.976.000 đồng, tổng cộng 190.581.000 đồng. Xét thấy việc hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa hộ kinh doanh M với ông L, bà V có lập Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi và Bảng đối chiếu xác nhận công nợ thì ông có ký tên và ông thừa nhận là còn

nợ tiền thức ăn và thuốc thủy sản nhưng ông xác định là mua của Công ty V nhưng việc mua bán giữa ông với Công ty V thì ông không có chứng cứ để chứng minh và trong hợp đồng mua bán thức ăn thể hiện Bên A sẽ bán cho bên B các sản phẩm thức ăn tôm mang nhãn hiệu V nên ông có sự nhầm lẫn trong việc xác định mua bán với Công ty V chứ không phải Hộ kinh doanh M. Ngoài yêu cầu trả số tiền gốc nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ 01/6/2019 đến ngày 01/3/2022 là 33 tháng là có căn cứ và phù hợp tại Điều 357 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lý Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị V trả tiền thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Văn L, bà Huỳnh Thị V là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Văn L, bà Huỳnh Thị V.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đã mua thức ăn và thuốc thủy sản với số tiền còn nợ là 149.605.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/03/2022 là 40.976.000 đồng, tổng cộng 190.581.000 đồng. Bị đơn ông Lê Văn L cho rằng gia đình ông không có lấy thức ăn và thuốc thủy sản của hộ kinh doanh M mà gia đình ông lấy thức ăn và thuốc thủy sản của Công ty V nên ông không đồng ý trả số tiền trên cho hộ kinh doanh M do chị Lý Thị Ngọc H làm chủ.

Xét thấy việc hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa hộ kinh doanh M do chị Lý Thị Ngọc H làm chủ với ông L, bà V gồm có: Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi ngày 15/7/2018 và Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 14/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án ông L thừa nhận là ông có ký tên vào hợp đồng và bảng đối chiếu xác nhận công nợ nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L cho rằng ông không có lấy thức ăn và thuốc thủy sản nên không đồng ý trả số tiền thức ăn và thuốc thủy sản cho hộ kinh doanh M tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông cũng

không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của ông nên việc ông cho rằng không có nợ của hộ kinh doanh M là không có cơ sở. Tại thời điểm thực hiện giao dịch mua bán thức ăn và thuốc thủy sản thì quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà V đang tồn tại và giao dịch dân sự do ông L thực hiện nhằm mục đích nuôi tôm công nghiệp để tạo thu nhập chung cho vợ chồng nên xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông L, bà V trả số tiền 149.605.000 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ngoài yêu cầu trả số tiền gốc nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ 01/6/2019 đến ngày 01/3/2022 là 33 tháng là có căn cứ và phù hợp tại Điều 357 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Như vậy số tiền lãi mà ông L, bà V còn phải trả cho chị Lý Thị Ngọc H là: 149.605.000 đồng x 0,83%/tháng x 33 tháng = 40.976.000 đồng. Tổng số tiền mà ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị V phải trả cho chị Lý Thị Ngọc H là 190.581.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của chị Lý Thị Ngọc H được chấp nhận nên chị Lý Thị Ngọc H không phải chịu án phí. Bị đơn ông Lê Văn L, bà Huỳnh Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.529.050 đồng. Ông L thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên ông L được miễn nộp án phí. Bà Huỳnh Thị V thuộc diện người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí. Do đó căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Huỳnh Thị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 12, 14, 15 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Ngọc H buộc ông Lê Văn L và bà Huỳnh Thị V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lý Thị Ngọc H tổng số tiền 190.581.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 149.605.000 đồng, tiền lãi là 40.976.000

đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Nguyên đơn chị Lý Thị Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Lý Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 4.764.525 đồng theo biên lai thu tiền số 0012515 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.764.525 đồng. Ông Lê Văn L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Trần Ngọc Hùng Anh